

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ R G
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/7/2022

V/v: “Ly hôn giữa bà M và ông N”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R G, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Bùi Tấn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Hoàng.

2. Bà Lê Thị Mỹ.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố R G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G tham gia phiên tòa: thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố R G xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 93/2022/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 3 năm 2022, về việc: “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Tiểu M, sinh năm 1990;

Địa chỉ cư trú 1: Số 334, tổ 5, khu phố 2, phường V T, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang;

Địa chỉ cư trú 2: Số 576/8 Đ V B, phường 14, Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Quách Văn N, sinh năm 1987;

Địa chỉ cư trú: Số 334, tổ 5, khu phố 2, phường V T, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 26/02/2022 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Đặng Tiểu M trình bày: Bà M và ông N tự nguyện quen nhau, đi

đến tổ chức lễ cưới và chung sống vợ chồng vào năm 2012, có đăng ký kết hôn và được UBND phường V T, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/7/2013.

Lý do bà M yêu cầu xin ly hôn: Bà M cho rằng, do quá trình chung sống tính tình đôi bên không hợp, bất đồng quan điểm, bất đồng ý kiến trong cách cư xử và sinh hoạt hàng ngày; xuất phát từ việc ông N thường hay ăn nhậu và ghen tuông vô cớ, nhiều lần xúc phạm, đánh đập bà M. Cả hai đã nhiều lần hòa giải hàn gắn nhưng không mang lại kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng thêm, do chung sống không hạnh phúc nên vợ chồng đã tự ly thân với nhau từ năm 2018 cho đến nay, mỗi người sinh sống một nơi. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà M làm đơn xin ly hôn với ông N.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Quách Gia V, sinh ngày 25/5/2013 và Quách Xuân Y, sinh ngày 18/02/2016. Người con tên Quách Gia V hiện đang sống với ông N, còn người con tên Quách Xuân Y hiện đang sống với bà M.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà M xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại phiên tòa ông Quách Văn N vắng mặt. Tại bản tự khai ngày 11/7/2022 ông N trình bày ý kiến và thể hiện quan điểm:* Ông N xác nhận về quan hệ hôn nhân, ông N và bà M tự nguyện quen nhau, đi đến tổ chức lễ cưới và chung sống vợ chồng năm 2012, có đăng ký kết hôn và được UBND phường V T, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/7/2013.

Về mâu thuẫn vợ chồng, ông N cho rằng, do quá trình chung sống tính tình đôi bên không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng có xảy ra cự cãi trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình, về cách cư xử sinh hoạt hàng ngày. Cả hai đã nhiều lần hòa giải hàn gắn nhưng không mang lại kết quả; vợ chồng đã tự ly thân với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông N đồng ý ly hôn với bà M.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Quách Gia V, sinh ngày 25/5/2013 và Quách Xuân Y, sinh ngày 18/02/2016.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bà M yêu cầu:*

Về hôn nhân: Bà M yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: Tại bản trình bày nguyện vọng ngày 23/3/2022 người con tên Quách Gia V thể hiện nguyện vọng muốn được sống với cha là ông N.

Bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng người con tên Quách Xuân Y và đồng ý giao người con tên Quách Gia V cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng, theo như nguyện vọng của con chung. Bà M không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà M xác nhận hiện đang sinh sống cùng với Mẹ ruột, có việc làm và chỗ ăn, chỗ ở ổn định và có đầy đủ điều kiện để đảm bảo được quyền, lợi ích hợp pháp cho con. Bà N không đồng ý giao người con tên Quách Xuân Y cho ông N nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Quá trình tố tụng ông N yêu cầu:*

Về hôn nhân: Ông N đồng ý thuận tình ly hôn với bà M.

Về con chung: Ông N yêu cầu được nuôi 02 người con chung, không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con.

Ông N cho rằng hiện tại bà N chưa có nơi sinh sống ổn định nên nếu nuôi con sẽ không đảm bảo quyền lợi cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự như tổng đạt; Thông báo thụ lý; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy báo phiên tòa hợp lệ, nhưng ông N vắng mặt. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ vào Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt bị đơn ông Quách Văn N.

[2] *Nhận định về quan hệ hôn nhân:* Bà M và ông N tự nguyện quen nhau, đi đến tổ chức lễ cưới và chung sống vợ chồng vào năm 2012, có đăng ký kết hôn và được UBND phường V T, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/7/2013. Căn cứ Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông N được xác định là hôn nhân hợp pháp.

[3] *Xét yêu cầu xin ly hôn của bà M,* Hội đồng xét xử xét thấy: Vợ chồng bà M, ông N không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để cùng xây dựng mái ấm gia đình bền vững và hạnh phúc; xuất phát từ việc tính tình đôi bên không hòa hợp, bất đồng quan điểm, bất đồng ý kiến; vợ chồng không còn tin tưởng, thông cảm, quan tâm và chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Quá trình tố

tụng, bà M, ông N xác nhận mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nên thống nhất thuận tình ly hôn. Thấy rằng, việc thuận tình ly hôn giữa bà M và ông N là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] *Về con chung*: Có 02 người con chung tên Quách Gia V, sinh ngày 25/5/2013 và Quách Xuân Y, sinh ngày 18/02/2016.

Bà M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng người con tên Quách Xuân Y và đồng ý giao người con tên Quách Gia V cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng. Bà M không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông N yêu cầu được nuôi dưỡng 02 người con chung, không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con.

Tại bản trình bày nguyện vọng ngày 23/3/2022 người con tên Quách Gia V thể hiện nguyện vọng muốn được sống với cha là ông N.

Xét thấy, quá trình trông nom, nuôi dưỡng các con chung, bà M và ông N đều đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con; đảm bảo được quyền, lợi ích hợp pháp của con. Để đảm bảo môi trường sống, sự phát triển, quyền lợi mọi mặt của những người con chung, cũng như tôn trọng nguyện vọng của những người con chung. Trong phần nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất: Giao người con chung tên Quách Gia V, sinh ngày 25/5/2013 cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng. Giao người con tên Quách Xuân Y, sinh ngày 18/02/2016 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Do bà M và ông N không ai có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà N, ông M xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà M phải chịu án phí số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Đặng Tiểu M và ông Quách Văn N.

2. Về con chung: Giao người con chung tên Quách Xuân Y, sinh ngày 18/02/2016 cho bà Đặng Tiểu M trực tiếp nuôi dưỡng. Giao người con chung tên Quách Gia V, sinh ngày 25/5/2013 cho ông Quách Văn N trực tiếp nuôi dưỡng. Bà M và ông N không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Ông N và bà M được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn: Bà M phải nộp 300.000 đồng. Bà M đã tạm nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002091, ngày 03/02/2022 tại chi cục Thi hành án Dân sự thành phố R G, nên bà M được khấu trừ.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà M có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông N vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. R G;
- THA DS TP. R G;
- Cơ quan nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Tấn Nghĩa